

BẢN THUYẾT MINH

NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ THAY THẾ THÔNG TƯ 03/2016/TT-NHNN NGÀY 26/02/2016 HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI VIỆC VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

Thông tư 03/2016/TT-NHNN ngày 26/2/2016 hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp (Thông tư 03) được ban hành và triển khai thực hiện được 5 năm. Thông tư 03 đã được sửa đổi, bổ sung 02 lần vào năm 2016, 2017 (Thông tư 05/2016/TT-NHNN ngày 15/4/2016 và Thông tư 05/2017/TT-NHNN ngày 30/6/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 03/2016/TT-NHNN) và qua 5 năm thực hiện cho thấy Thông tư 03 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung) đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, hoàn chỉnh khuôn khổ pháp lý hướng dẫn hoạt động vay, trả nợ nước ngoài tự vay, tự trả đảm bảo rõ ràng, thống nhất để các doanh nghiệp và các đối tượng liên quan áp dụng; qua đó, tăng cường năng lực giám sát dòng vốn vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp đảm bảo mục tiêu quản lý trong công tác quản lý vay nước ngoài tự vay, tự trả.

Trong bối cảnh nền kinh tế của Việt Nam liên tục đạt và duy trì mức tăng trưởng khá cao và định hướng còn tiếp tục tăng trưởng cao giai đoạn 2020-2025, vốn vay nước ngoài đóng vai trò quan trọng đối với doanh nghiệp nhằm việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh. Với sự hội nhập thị trường quốc tế ngày càng sâu rộng của các doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động vay, trả nợ nước ngoài ngày càng có sự phát triển mạnh mẽ thể hiện ở quy mô, số lượng giao dịch ngày càng tăng, nội dung khoản vay ngày càng phức tạp, cấu trúc bảo đảm phong phú,... đòi hỏi phải có những bổ sung điều chỉnh trong cơ chế giám sát hoạt động vay, trả nợ nước ngoài sao cho hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ đầy đủ quy định về điều kiện vay nước ngoài song vẫn đảm bảo chủ trương đơn giản hóa TTHC và đảm bảo kiểm soát hoạt động vay trả nợ nước ngoài tự vay, tự trả trong các hạn mức an toàn nợ nước ngoài của quốc gia.

Xuất phát từ lý do đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã xây dựng Thông tư thay thế cho Thông tư 03 trên nguyên tắc: (i) kế thừa các quy định đang được áp dụng hiệu quả, ổn định; (ii) bổ sung các quy định để đạt mục tiêu chính sách và (iii) cập nhật các nội dung về quy định được điều chỉnh, thay thế tại các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) khác có liên quan, tạo sự đồng bộ thống nhất về khung pháp lý điều chỉnh hoạt động vay, trả nợ nước ngoài tự vay, tự trả của các thành phần doanh nghiệp.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ:

- Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh số 06/2013/PL-UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

- Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh;

III. NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

Kết cấu Thông tư tương tự Thông tư 03 gồm 8 Chương và 50 Điều: Chương I – Quy định chung (05 điều), Chương II – Trang điện tử (03 điều), Chương III – Thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh (15 Điều), Chương IV – Mở và sử dụng tài khoản thực hiện khoản vay nước ngoài (11 điều), Chương V – Quy định về quản lý ngoại hối liên quan đến giao dịch bảo đảm khoản vay nước ngoài (03 điều), Chương VI – Chế độ báo cáo thống kê (03 điều), Chương VII – Trách nhiệm của các bên liên quan (07 điều), Chương VIII – Điều khoản thi hành (03 điều).

Hiện tại, Thông tư 03 đã quy định những nội dung quan trọng như: (i) Thiết kế Trang điện tử vận hành, sử dụng trong đăng ký/dăng ký thay đổi KVNN, báo cáo; (ii) xây dựng bộ TTHC đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài (KVNN) với các nội dung về cách thức nộp hồ sơ, đối tượng phải thực hiện TTHC, thời gian, trình tự thực hiện thủ tục, thẩm quyền xử lý TTHC; (iii) các quy định về tài khoản vay trả nợ của Bên đi vay; (iv) hướng dẫn chuyển tiền liên quan đến bảo lãnh KVNN; (v) trách nhiệm các Bên trong hoạt động vay, trả nợ nước ngoài; (vi) chế độ báo cáo thống kê.

Về cơ bản, các quy định hiện tại ở Thông tư 03 phát huy hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý. Do đó, dự thảo Thông tư này kế thừa phần lớn các quy định tại Thông tư 03 (đã sửa đổi, bổ sung) đang được áp dụng mà không gặp vướng mắc; đồng thời, sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp hơn với thực tiễn phát triển hoạt động vay, trả nợ nước ngoài và đảm bảo thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) khác có liên quan (ví dụ: Thông tư 06/2019/TT-NHNN ngày 26/6/2019 hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam;...). Nội dung sửa đổi, bổ sung tập trung vào các nhóm nội dung chính như sau:

A/ Nhóm quy định về TTHC theo hướng tiếp tục đơn giản hóa:

1. Nội dung bổ sung so với quy định hiện tại

a/ Chuẩn hóa các bộ phận cấu thành TTHC: khoản 2 Điều 13 và khoản 2 Điều 16):

- Bổ sung quy định số lượng bộ hồ sơ cần nộp khi thực hiện thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài (KVNN): 01 bộ;

- Nâng thời hạn nộp hồ sơ đối với trường hợp khoản vay nước ngoài ngắn hạn không có thỏa thuận gia hạn nhưng còn dư nợ tại thời điểm tròn 1 năm kể từ ngày

rút vốn đầu tiên: 45 ngày kể từ ngày tròn 1 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên (Quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư 03 là 30 ngày).

- Cách thức nộp hồ sơ (nộp hồ sơ tại Công dịch vụ công quốc gia khi các TTHC đã được nâng cấp lên dịch vụ công mức độ 3, nộp trực tiếp tại Bộ phận Một Cửa;

b/ Mở rộng các trường hợp không cần thực hiện đăng ký/đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài; cụ thể:

(i) Mở rộng trường hợp không cần thực hiện đăng ký:

- Quy định hiện tại: theo ***khoản 3 Điều 9 Thông tư 03*** quy định: “Khoản vay thuộc đối tượng phải thực hiện đăng ký với Ngân hàng Nhà nước bao gồm: [...] 3. *Khoản vay ngắn hạn không có hợp đồng gia hạn mà tổng thời hạn của khoản vay là trên 01 (một) năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên, trừ trường hợp Bên đi vay hoàn thành việc trả nợ khoản vay trong thời gian 10 (mười) ngày kể từ thời điểm tròn 01 (một) năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên.*

- Quy định mới: ***khoản 3 Điều 9 dự thảo Thông tư*** đã nâng thời gian bên đi vay hoàn thành trả nợ ngắn hạn quá hạn nói trên thành **30 (ba mươi) ngày** để giảm số lượng các khoản vay ngắn hạn quá hạn 01 năm cần thực hiện đăng ký khoản vay.

(ii) Bổ sung thêm các trường hợp *không cần thực hiện đăng ký thay đổi*:

- Quy định hiện tại: ***Khoản 2, 3 Điều 15 Thông tư 03*** quy định các trường hợp không cần thực hiện đăng ký thay đổi KVNN bao gồm: (1) thay đổi kế hoạch rút vốn, trả nợ, chuyển phí trong phạm vi **10 (mười) ngày** kể so với kế hoạch đã được NHNN xác nhận; (2) thay đổi địa chỉ Bên đi vay trong tỉnh, thành phố nơi Bên đi vay đặt trụ sở chính; (3) thay đổi Bên cho vay, các thông tin liên quan về bên cho vay trong khoản vay hợp vốn có chỉ định đại diện các bên cho vay; (4) thay đổi tên giao dịch thương mại của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản.

- Quy định mới: ngoài việc kế thừa quy định về các trường hợp không cần đăng ký thay đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư 03 và sửa đổi, bổ sung các quy định về trường hợp không phải đăng ký thay đổi như sau:

+ Không cần thực hiện đăng ký thay đổi đối với trường hợp thay đổi kế hoạch rút vốn, trả nợ, chuyển phí trong phạm vi **10 (mười) ngày làm việc [...]** tại ***Khoản 2 Điều 5 dự thảo Thông tư***

+ Thay đổi kế hoạch trả lãi, trả phí *nhưng không thay đổi nguyên tắc, cách thức xác định lãi, phí* (các bên không thay đổi về tổng số tiền lãi, phí phải thanh toán, *chỉ thay đổi thời điểm, số lần trả*); (***điểm d khoản 3 Điều 15 dự thảo Thông tư***)

+ Rút vốn, trả nợ gốc của một kỳ thanh toán cụ thể **ít hơn** số tiền được xác nhận tại văn bản XNĐK/ĐKTĐ. Doanh nghiệp sẽ tiến hành ĐKTĐ số tiền rút vốn/trả nợ phần còn lại vào trước khi thực hiện việc rút vốn/trả nợ này (***khoản 5 Điều 15 dự thảo Thông tư***)

2. Cơ sở, lý do bổ sung các nội dung trên:

- Quy định tại Khoản 3 Điều 9 hiện tại đã cho phép các KVNN ngắn hạn không có hợp đồng gia hạn nhưng còn dư nợ tại thời điểm tròn 1 năm kể từ ngày rút vốn mà doanh nghiệp có khả năng thu xếp trả nợ trong 10 ngày kể từ ngày tròn 1 năm thì không cần thực hiện đăng ký. Quy định này đã giúp giảm bớt nhiều TTHC, không gây vướng mắc trong thực hiện. Xuất phát từ thực tiễn như vậy, Khoản 3 Điều 9 dự thảo Thông tư tiếp tục nới rộng thời gian doanh nghiệp tự thu xếp trả nợ lên *30 ngày* thì KVNN thuộc loại này không cần thực hiện đăng ký nhằm tiếp tục giảm TTHC và tạo sự linh hoạt hơn cho doanh nghiệp song vẫn đáp ứng mục tiêu quản lý đối với khoản vay trung, dài hạn nước ngoài do: (i) các khoản vay ngắn hạn được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày tròn 1 năm tính từ thời điểm rút vốn *không mang bản chất khoản vay trung, dài hạn* mà đơn thuần do Bên đi vay chưa kịp thu xếp để thanh toán (ngắn hạn quá hạn); (ii) việc áp dụng cơ chế quản lý các khoản vay này tương tự như khoản vay trung, dài hạn (yêu cầu đi đăng ký, thực hiện trả nợ qua tài khoản vay, trả nợ nước ngoài trung, dài hạn – là tài khoản DICA đối với doanh nghiệp FDI) không mang nhiều ý nghĩa về mặt quản lý do chỉ sau vài ngày khi đăng ký, khoản vay sẽ được tất toán.

- Sửa đổi đơn vị 10 ngày thành 10 ngày làm việc để đảm bảo thống nhất với cách quy định về ngày làm việc trong toàn bộ Thông tư cũng như thuận tiện và công bằng trong áp dụng (trường hợp ngày nghỉ lễ kéo dài, việc áp dụng 10 ngày thông thường sẽ không đảm bảo thời gian cho doanh nghiệp xử lý việc chuyển tiền trong các ngày làm việc, và không vận dụng được quy định này).

- Bổ sung trường hợp không phải đăng ký thay đổi khi kế hoạch rút vốn, trả nợ số tiền ít hơn số tiền nêu tại văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi KVNN nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất trong áp dụng văn bản với thực tiễn hoạt động rút vốn, trả nợ từ trước đến nay.

Các sửa đổi nói trên sẽ tạo điều kiện linh hoạt hơn cho doanh nghiệp, giảm thiểu số lượng TTHC phải thực hiện song *vẫn đảm bảo mục tiêu giám sát dòng vốn* do:

+ Đối với các khoản vay có giá trị lớn mà việc rút vốn/trả nợ có khả năng gây ảnh hưởng đến hạn mức thì: (i) việc *rút vốn ít hơn* một kỳ cụ thể đã được XNĐK sẽ không làm vượt hạn mức (do kế hoạch rút vốn đã được XNĐK và tính vào hạn mức); (ii) *việc trả nợ* thường bị quản lý chặt chẽ bởi các chủ nợ nên kế hoạch trả nợ thường không có sự thay đổi, trường hợp thay đổi *trả nợ ít hơn*, chắc chắn sẽ phải ký thỏa thuận thay đổi và yêu cầu Bên đi vay thực hiện thủ tục ĐKTĐ, trường hợp này, Bên đi vay thực hiện ĐKTĐ như thường lệ.

+ Đồng thời, với dự kiến nâng tần suất báo cáo từ *quý thành tháng*, sau khi quy định có hiệu lực áp dụng, số tiền rút vốn/trả nợ ít hơn sẽ được phản ánh ngay trong tháng phát sinh nên NHNN vẫn có thể theo dõi tình hình thực hiện hạn mức mà không cần doanh nghiệp phải thực hiện TTHC này, phù hợp với mục tiêu cắt giảm TTHC mà không ảnh hưởng đến mục tiêu quản lý.

+ Lãi, phí không thuộc đối tượng giám sát trong công tác giám sát hạn mức vay nên việc mở rộng trường hợp không cần thực hiện ĐKTĐ đối với lãi/phí không ảnh hưởng đến việc giám sát thực hiện hạn mức.

B – Nhóm các quy định hướng dẫn về tài khoản thực hiện KVNN:

1. Nội dung thay đổi so với quy định hiện tại

Về cơ bản, quy định tại Thông tư 03 (sửa đổi, bổ sung) đã rõ ràng và việc áp dụng không gây vướng mắc gì. Tuy nhiên, để phù hợp với thực tiễn trong hoạt động vay, trả nợ nước ngoài khi phát sinh các nhu cầu sử dụng tài khoản mở trên lãnh thổ của Bên cho vay cũng như thống nhất với quy định về tài khoản vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của doanh nghiệp FDI tại Thông tư 06/2019/TT-NHNN, các nội dung hướng dẫn về tài khoản thực hiện khoản vay nước ngoài có sự thay đổi như sau:

1.1/ Về tài khoản vay, trả nợ nước ngoài của Bên đi vay: Kế thừa toàn bộ các nội dung quy định về tài khoản vay, trả nợ nước ngoài *của Bên đi vay* đã được quy định tại Thông tư 03 (sửa đổi, bổ sung) và điều chỉnh diễn đạt đảm bảo phù hợp với quy định về quản lý ngoại hối đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam

- Nội dung hiện tại: Đối với khoản vay nước ngoài trung, dài hạn, *tài khoản vay, trả nợ nước ngoài là tài khoản vốn đầu tư trực tiếp* (sau đây gọi là tài khoản DICA).

- Nội dung sửa đổi

+ Bên đi vay **sử dụng** tài khoản vốn đầu tư trực tiếp để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến khoản vay nước ngoài. *Trường hợp đồng tiền vay không phải là đồng tiền của tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, Bên đi vay được mở tài khoản vay, trả nợ nước ngoài khác để thực hiện khoản vay nước ngoài tại ngân hàng nơi Bên đi vay mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp.*

+ Khi trả nợ các khoản vay còn dư nợ gốc tại thời điểm 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên và không thuộc đối tượng đăng ký theo quy định tại khoản 3 Điều 9 dự thảo Thông tư, Bên đi vay là doanh nghiệp FDI cũng không cần sử dụng tài khoản DICA để trả nợ.

1.2/ Về tài khoản của Bên cho vay

a/ Quy định hiện tại: không có điều, khoản cụ thể quy định về vấn đề này

b/ Nội dung sửa đổi:

*Bổ sung hướng dẫn sử dụng tài khoản của Bên cho vay mở tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam để thực hiện giải ngân, thu hồi KVNN: Thông tư 03 hiện chỉ có hướng dẫn về tài khoản vay, trả nợ nước ngoài của Bên đi vay. **Dự thảo Thông tư** bổ sung hướng dẫn về tài khoản của Bên cho vay mở trên lãnh thổ Việt Nam để thực hiện giao dịch (**Điều 29 dự thảo Thông tư**): phân theo 2 loại hình khoản vay: vay VNĐ và vay bằng ngoại tệ.*

(i) Đối với tài khoản VNĐ của Bên cho vay: Bên cho vay trong khoản vay VNĐ cho dự án tài chính vì mô có *quyền lựa chọn* sử dụng hoặc không sử dụng; Bên cho vay trong khoản vay VNĐ khác *bắt buộc* phải mở tài khoản VNĐ để thực hiện giao dịch liên quan. Thông tư 03 chưa có quy định về nội dung này do thực tế, Bên cho vay trong các khoản vay VNĐ cho các tổ chức tài chính vì mô từ trước tới nay đều

không sử dụng tài khoản VNĐ mở của người không cư trú mở tại NHTM ở Việt Nam. Mặc dù vậy, để đảm bảo tính đầy đủ của quy định hướng dẫn, Thông tư 03 sửa đổi được bổ sung thêm nội dung này (**khoản 1 Điều 29 dự thảo Thông tư**).

(ii) *Đối với tài khoản ngoại tệ của Bên cho vay*: Bổ sung nguyên tắc “*Bên cho vay mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ của người không cư trú để thực hiện khoản vay nước ngoài phải tuân thủ quy định về hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ*” (**khoản 2 Điều 29 dự thảo Thông tư**).

2/ Cơ sở, lý do đề xuất

- Trên thực tế, nhiều khoản vay nước ngoài có đồng tiền khác với đồng tiền của tài khoản vốn đầu tư trực tiếp (Tài khoản DICA). Do đó, để thực hiện khoản vay nước ngoài có đồng tiền khác với đồng tiền của tài khoản DICA, Bên đi vay có thể sẽ cần mở tài khoản vay, trả nợ nước ngoài khác. Với cách quy định hiện nay “*tài khoản vay, trả nợ nước ngoài là tài khoản DICA*”, doanh nghiệp sẽ coi như mở thêm tài khoản DICA. Điều này là mâu thuẫn quy định *chỉ được mở 01 (một) tài khoản vốn đầu tư trực tiếp* tại Điểm b Khoản 2 Điều 5 Thông tư 06/2016/TT-NHNN ngày 26/6/2019 hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam (**Thông tư 06**). Do đó, Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 03 đã *thay đổi cách diễn đạt* và bổ sung nguyên tắc về việc trường hợp đồng tiền vay khác với đồng tiền của DICA thì mở tài khoản vay, trả nợ nước ngoài khác *tại ngân hàng mở DICA* để nhằm mục tiêu quản lý giám sát dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, **thống nhất với Thông tư 06**.

- Theo khoản 2 Điều 2 Thông tư 12/2014/TT-NHNN quy định về điều kiện vay nước ngoài tự vay, tự trả, khoản vay trung dài hạn là khoản vay có thời hạn trên một (01) năm. Khoản 3 Điều 9 dự thảo Thông tư cho phép các khoản vay ngắn hạn quá hạn nhưng được trả trong thời gian 30 ngày kể từ ngày tròn 01 năm tính từ ngày rút vốn đầu tiên không thuộc đối tượng đăng ký KVNN. Tuy nhiên, nếu không bổ sung hướng dẫn về tài khoản đối với những khoản vay có tính chất nói trên, dù không phát sinh nghĩa vụ đăng ký song theo định nghĩa tại khoản 2 Điều 2 Thông tư 12, các khoản vay này vẫn được gọi là KVNN “trung, dài hạn” nên phải trả nợ qua tài khoản DICA (đối với doanh nghiệp FDI); việc này sẽ dẫn đến những bất cập đối với cả Bên đi vay, ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản cũng như gây khó khăn cho công tác thống kê số liệu.

- Đối với nội dung bổ sung quy định về tài khoản của Bên cho vay: nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý ngoại hối đối với giao dịch liên quan đến KVNN. Sau một thời gian dài hoạt động trên thị trường Việt Nam, nhiều nhà đầu tư nước ngoài (người không cư trú) đã có lợi nhuận tích lũy trên lãnh thổ Việt Nam và có mong muốn tiếp tục tái đầu tư nguồn thu từ các hoạt động kinh doanh hợp pháp khác trên lãnh thổ. NHNN đã ban hành Thông tư 16/2015/TT-NHNN hướng dẫn sử dụng tài khoản ngoại tệ, tài khoản đồng Việt Nam của người cư trú, người không cư trú tại ngân hàng được phép; do đó, dự thảo Thông tư này chỉ quy định nguyên tắc sử dụng các tài khoản này, không hướng dẫn chi tiết nội dung thu, chi.

C/ Hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với biện pháp bảo đảm KVNN

1. Nội dung sửa đổi so với quy định hiện tại

- Quy định hiện tại: Thông tư 03 hiện nay chỉ có hướng dẫn về quản lý ngoại hối thực hiện giao dịch liên quan đến *bảo lãnh KVNN* (**Chương V Thông tư 03**) bao gồm: hướng dẫn Bên cho vay chuyển tiền thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh; hướng dẫn bên đi vay hoàn trả khoản nhận nợ bắt buộc giữa Bên đi vay và Bên bảo lãnh.

- Quy định sửa đổi: Chương V dự thảo Thông tư không hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với giao dịch bảo lãnh KVNN nói riêng mà hướng dẫn chung cho các giao dịch bảo đảm liên quan đến KVNN (bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản của Bên đi vay, Bên thứ ba). Theo đó, các nội dung được bổ sung là hoàn toàn mới; bao gồm các quy định:

+ Quy định việc sử dụng tổ chức đại diện xử lý TSDB là pháp nhân thành lập theo pháp luật Việt Nam trong trường hợp TSDB cho KVNN là tài sản trên lãnh thổ Việt Nam.

+ Quy định trách nhiệm kiểm tra lưu giữ chứng từ trong trường hợp Bên bảo đảm/Đại diện xử lý TSDB đồng thời là Ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản (nơi Bên đi vay mở TK vay, trả nợ nước ngoài) – **Khoản 4 Điều 35 dự thảo Thông tư**.

+ Quy định trách nhiệm cung cấp thông tin từ Bên bảo đảm/Đại diện xử lý tài sản đảm bảo cho Ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản – **Khoản 5 Điều 35 dự thảo Thông tư**.

+ Các chứng từ mà Ngân hàng cần phải kiểm tra khi cung cấp dịch vụ chuyển tiền thực hiện nghĩa vụ bảo đảm cho Bên cho vay (tiền do bên bảo lãnh chuyển, tiền phát sinh từ các hoạt động xử lý tài sản đảm bảo) – **Khoản 6 Điều 35 dự thảo Thông tư**

+ Các quy định hướng dẫn chuyển tiền thanh toán Khoản nhận nợ giữa Bên đi vay và Bên bảo đảm: định nghĩa Khoản nhận nợ (**Điều 36 dự thảo Thông tư**), chứng từ Bên đi vay cần xuất trình khi thực hiện hoàn trả Khoản nhận nợ (**Điều 37 dự thảo Thông tư**).

2. Cơ sở, lý do đề xuất sửa đổi

Quy định tại Chương V Thông tư 03 đã rõ ràng để áp dụng thực hiện và thực tế không gặp các vướng mắc. Tuy nhiên, thực tế các biện pháp bảo đảm KVNN gồm nhiều hình thức khác (cầm cố, thế chấp tài sản của chính bên đi vay, tài sản của bên thứ ba,...). Ngoài các KVNN của doanh nghiệp FDI vay từ công ty mẹ, các khoản vay từ các đối tác thương mại đều yêu cầu có biện pháp bảo đảm khá phong phú. Các hướng dẫn về quản lý ngoại hối khi thực hiện giao dịch liên quan đến thực thi các biện pháp bảo đảm sẽ giúp Bên cho vay an tâm và sẵn sàng cho doanh nghiệp Việt Nam vay vốn do quyền lợi được bảo đảm. Do đó, việc bổ sung khuôn khổ quy định chung cho các hoạt động bảo đảm khoản vay nước ngoài là một yêu cầu cấp thiết.

Hệ thống pháp luật Việt Nam đã có các quy phạm về thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ (bao gồm bảo lãnh, cầm cố, thế chấp, ...) ¹, các quy định hướng dẫn đăng ký giao dịch bảo đảm nên dự thảo Thông tư chỉ bổ sung các quy định hướng dẫn về quản lý ngoại hối *liên quan đến dòng tiền* khi phải thực thi biện pháp bảo đảm. Mặt khác, do Thông tư 16/2014/TT-NHNN hướng dẫn sử dụng tài khoản ngoại tệ, tài khoản đồng Việt Nam của người cư trú, người không cư trú tại ngân hàng được phép đã có hướng dẫn sử dụng tài khoản để thực hiện các giao dịch hợp pháp nên Dự thảo Thông tư chủ yếu hướng dẫn *cách thức trao đổi thông tin* giữa các bên trong giao dịch chuyển tiền liên quan đến việc thực thi biện pháp bảo đảm (chuyển từ Bên bảo lãnh, tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo (TSDB) sang Bên cho vay; chuyển tiền thanh toán khoản nhận nợ giữa Bên bảo đảm và Bên đi vay) nhằm giám sát việc trả nợ KVNN, tránh việc ‘trả nợ 2 lần’ (nghĩa vụ nợ nước ngoài đã được thực hiện qua xử lý TSDB, bảo lãnh song Bên đi vay vẫn chuyển tiền trả nợ).

D/ Chế độ báo cáo (Điều 39 dự thảo Thông tư)

1. Nội dung sửa đổi so với quy định hiện tại

- Quy định hiện tại:

+ tần suất báo cáo theo định kỳ ***hàng quý***,

+ hình thức báo cáo: doanh nghiệp lựa chọn hình thức trực tuyến (sử dụng Trang Điện tử khi khai báo thông tin thực hiện đăng ký/đăng ký thay đổi KVNN thì báo cáo trực tiếp trên Trang điện tử, NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố duyệt số liệu báo cáo để tạo cơ sở dữ liệu vay, trả nợ nước ngoài. Doanh nghiệp lựa chọn hình thức truyền thống (không sử dụng Trang điện tử) thì gửi báo cáo bằng văn bản; Chi nhánh NHNN nhập số liệu từ báo cáo bằng văn bản vào cơ sở dữ liệu trên Trang điện tử.

- Quy định sửa đổi:

+ Chuyển từ định kỳ hàng quý sang định kỳ ***hàng tháng***;

+ Quy định 100% doanh nghiệp là Bên đi vay thực hiện báo cáo trực tuyến trên Trang điện tử; Chi nhánh NHNN duyệt số liệu.

2. Cơ sở, lý do đề xuất

- Do dự thảo Thông tư bổ sung nhiều quy định đơn giản hóa TTHC song để đảm bảo mục tiêu điều hành, giám sát chặt chẽ hoạt động vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp tự vay, tự trả nhằm đảm bảo các chỉ tiêu an toàn nợ nước ngoài của quốc gia, công tác thu thập, thống kê số liệu cần được tăng cường.

- Trên thực tế, Thông tư 03 đã đưa vào ứng dụng Trang điện tử để doanh nghiệp lựa chọn thực hiện báo cáo trực tuyến hoặc báo cáo văn bản. Qua khảo sát, đánh giá khả năng thực hiện, các doanh nghiệp tham gia khảo sát đều khẳng định có

¹ Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ

thể đáp ứng điều kiện kỹ thuật thực hiện báo cáo trực tuyến (có máy tính kết nối internet).

5/ Các nội dung khác: Các chỉnh sửa mang tính diễn đạt, kỹ thuật soạn thảo văn bản... để đảm bảo nội dung quy định là rõ ràng, phù hợp, thống nhất với hệ thống quy phạm pháp luật khác về quản lý ngoại hối và quy định có liên quan khác.

IV/ Đánh giá tác động

Dự thảo Thông tư được ban hành sẽ có các tác động như sau:

- *Giảm chi phí thực hiện TTHC:* thực hiện chủ trương không ngừng cải cách, đơn giản hóa TTHC, dự thảo Thông tư đã đưa vào các quy định cắt giảm số lượng TTHC phải thực hiện (bổ sung các trường hợp không phải thực hiện đăng ký/đăng ký thay đổi KVNN). Theo đó, số lượt thực hiện TTHC sẽ ít hơn dẫn đến tổng chi phí thực hiện TTHC toàn xã hội sẽ giảm xuống;

- *Nâng cao năng lực thống kê vay, trả nợ nước ngoài* không được Chính phủ bảo lãnh: Việc nâng tăng suất báo cáo lên định kỳ hàng tháng và hình thức báo cáo trực tuyến sẽ tiết kiệm thời gian, chi phí cũng như giảm sai sót so với việc nhập số liệu báo cáo thủ công, số liệu được cập nhật. Năng lực thống kê được tăng cường tạo ra cơ sở dữ liệu vay, trả nợ nước ngoài đáp ứng mục tiêu điều hành cũng như khả năng cung cấp số liệu báo cáo theo các cam kết với các tổ chức tài chính quốc tế mà Việt Nam là thành viên (IMF, WB,...);

- *Nâng cao năng lực giám sát vay, trả nợ nước ngoài* của doanh nghiệp nhằm giám sát chặt chẽ hoạt động vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp nằm trong hạn mức vay nước ngoài tự vay, tự trả, đảm bảo chỉ tiêu an toàn nợ nước ngoài của quốc gia: Nhờ sự thay đổi về chế độ báo cáo và bổ sung các quy định về kiểm tra chứng từ để ngân hàng thương mại có đủ thông tin xử lý giao dịch, hỗ trợ NHNN giám sát thực tế, hạn chế các sai phạm,...;

- *Hoàn thiện hơn nữa khuôn khổ pháp lý* cho hoạt động vay, trả nợ nước ngoài tự vay, tự trả (cập nhật các quy định mới phù hợp với kinh nghiệm thực tiễn từ quản lý vay, trả nợ nước ngoài như tài khoản bên cho vay trên lãnh thổ, biện pháp bảo đảm KVNN; bổ sung, chỉnh sửa những quy định còn chưa rõ ràng để thống nhất áp dụng; ...) nhằm đảm bảo tính minh bạch, và có cơ sở pháp lý rõ ràng để xử lý vi phạm hành chính, ...). Qua đó, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của các bên trong giao dịch vay, trả nợ nước ngoài. Ngoài ra, khung pháp lý đầy đủ (được cập nhật, bổ sung theo thực tiễn) cũng sẽ tạo điều kiện hơn cho doanh nghiệp tham gia hoạt động này để tận dụng nguồn vốn hợp lý từ thị trường vốn quốc tế; song, vẫn đảm bảo các mục tiêu giám sát nợ nước ngoài của quốc gia.



